

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 205-V01/TPP-CTY/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA NEAT

2. Thành phần: Nhựa Tritan, nhựa PP, silicone, hạt màu

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 42 cái/ thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Sản xuất tại:

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam.

Trụ sở: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy sản xuất: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (được mã hóa là Nhà máy Đồng Nai 2).

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2024




ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)




Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

 <p>inochi</p> <p>Bình nước Kita Neat</p> <p>きたネット 携帯ボトル</p> <p>1L</p> <p>Nắp đậy với ron cao su chống tràn</p> <p>BPA FREE Không chất độc hại</p> <p>+90°C -20°C An toàn từ -20 °C đến 90 °C</p> 	<p>Tên sản phẩm: Bình nước Kita Neat Dung tích: 1 L Mã sản phẩm: HIN.BIKN.1000 Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (82 x 82 x 292) mm Khối lượng tịnh: 178 g Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước uống hoặc các loại nước ép Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp</p> <hr/> <p>Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Hotline: 1800 7009 (miễn phí)</p> <p>Nơi sản xuất được mã hóa: <input type="checkbox"/> Nhà máy Bắc Ninh <input type="checkbox"/> Nhà máy Hồ Chí Minh <input type="checkbox"/> Nhà máy Long An</p> <p>SX 10/2023 Sản xuất tại Việt Nam</p>  <p>8 935275 212303</p>
---	--



ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00170087	
Analytical Report :	AR-24-VD-005335-01-EN / EUVNH-00248830 - 1	

TAN PHU VIET NAM JOINT STOCK COMPANY	
314 Luy Ban Bich St, Hoa Thanh Ward, Tan Phu Dist Ho Chi Minh City, VIETNAM	

Sample described as:	BÌNH NƯỚC KITA NEAT
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	29/12/2023
Analysis Time :	06/01/2024 - 13/01/2024
Client due date :	13/01/2024
Your purchase order reference:	N6IK2312293661

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS	MAXIMUM LIMIT
Synthetic plastic component contacts directly with food (PP plastic)					
1	VD751 VD (a) Cadmium (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.04)	100
2	VD755 VD (a) Heavy metal (A.acetic 4%, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not Detected (LOD = 0.4)	1
3	VD295 VD (a) KMnO ₄ number (Water, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=1)	10
4	VD750 VD (a) Lead (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.08)	100
5	VD762 VD (a) Evaporation residue (A.acetic 4%, 60°C, 30 min)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	30
6	VD760 VD (a) Evaporation residue(Ethanol 20%, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	30
7	VD759 VD (a) Evaporation Residue (Heptane, 25°C, 60 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	30
8	VD761 VD (a) Evaporation residue (water, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	30
Synthetic plastic component contacts directly with food (Tritan plastic)					
9	VDBHK VD (a) Cadmium (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.04)	100
10	VDBHL VD (a) Heavy metal (A.acetic 4%, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not Detected (LOD = 0.4)	1
11	VD2K3 VD (a) KMnO ₄ Consumption (Water, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Not detected (LOD=1)	10
12	VDUVY VD (a) Lead (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.08)	100
Rubber component contacts directly with food (Silicone)					



ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS	MAXIMUM LIMIT
Rubber component contacts directly with food (Silicone)					
13	VD753 VD (a) Cadmium (Cd)	µg/ g	QCVN 12-2:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.04)	100
14	VD752 VD (a) Lead (Pb)	µg/ g	QCVN 12-2:2011/BYT; AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.08)	100
15	VD0FB VD 2-Mercaptoimidazolin		QCVN 12-2:2011/BYT	Negative	Negative
16	VD0FC VD (a) Formaldehyde (water, 60°C, 30 minutes)		QCVN 12-2:2011/BYT	Negative	Negative
17	VD732 VD Phenol (Water, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not detected (LOD=1)	5
18	VD0FD VD (a) Heavy metal as Pb (A.acetic 4%,60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not Detected (LOD = 0.4)	1
19	VD765 VD Zinc (Zn) (Acid acetic 4 %, 60°C, 30minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not detected (LOD=0.1)	15
20	VD788 VD (a) Evaporation Residue (A.acetic 4%, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	60
21	VD786 VD (a) Evaporation Residue (ethanol 20%, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	60
22	VD787 VD (a) Evaporation Residue (water, 60°C, 30 minutes)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Not detected (LOD=5)	60

CONCLUSION

The results of the above mentioned analyses for "Synthetic plastic component contacts directly with food (PP plastic)" are in accordance with the requirements of QCVN 12-1:2011/BYT National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods (Table 1+5).

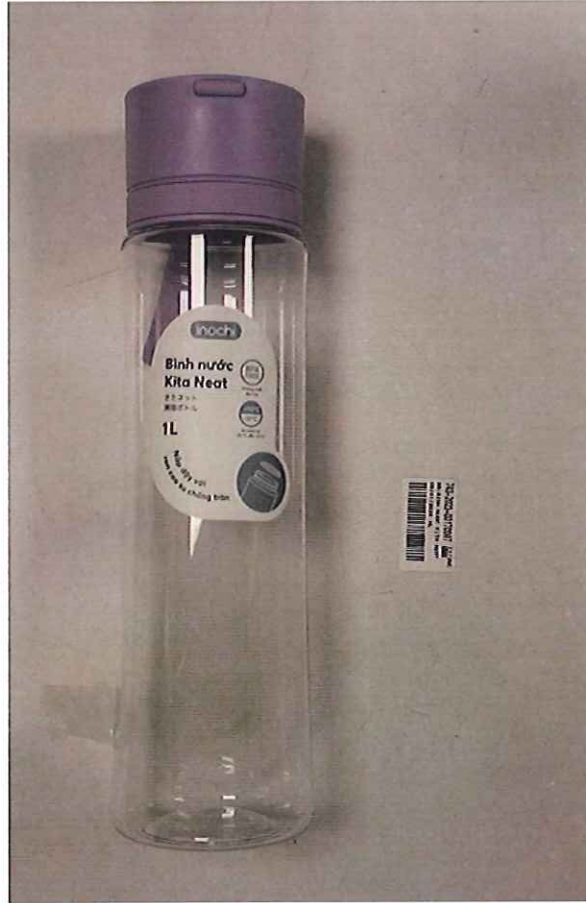
The results of the above mentioned analyses for "Synthetic plastic component contacts directly with food (Tritan plastic)" are in accordance with the requirements of QCVN 12-1:2011/BYT National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods (Table 1).

The results of the above mentioned analyses for "Rubber component contacts directly with food (Silicone)" are in accordance with the requirements of QCVN 12-2:2011/BYT National technical regulation on safety and hygiene for rubber implements, container and packaging in direct contact with foods.

LOD: Limit Of Detection.

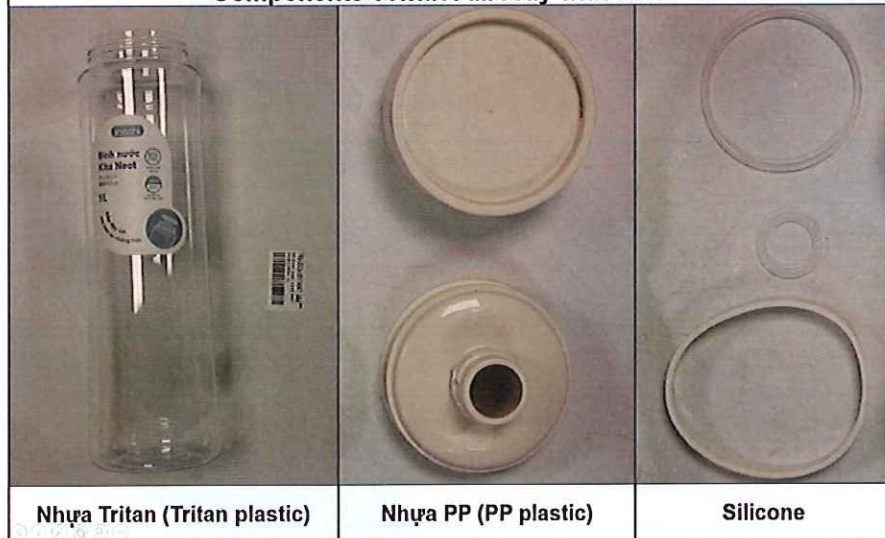
ANALYTICAL REPORT

PHOTO(S) OF SAMPLE SUBMITTED



PHOTO(S) OF SAMPLE SUBMITTED

Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Components contact directly with food



ANALYTICAL REPORT

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
Business Unit Manager for

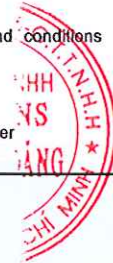


Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 24/01/2024, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 24/01/2024.

EXPLANATORY NOTE

Test results are only valid on the tested sample provided by client. The sample and client information are written as client's request.
This report shall not be reproduced in parts or referred to Eurofins SHKD in advertising, promotional activities or activities that may cause conflicts of interest.
Samples are normally kept for 7 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.
Once the sample retention time expires, Eurofins SKHD is not responsible for client complaints about test results.
This result report is issued based on the agreed requirements between eurofins skhd and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.
Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00170087	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-005335-01-VI / EUVNHC-00248830 - 1	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú TP.HCM, Việt Nam

Tên mẫu :	BÌNH NƯỚC KITA NEAT
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	29/12/2023
Thời gian thử nghiệm :	06/01/2024 - 13/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	13/01/2024
Mã số PO của khách hàng :	N6IK2312293661

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PP)					
1	VD751 VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
2	VD750 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
3	VD755 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid Acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
4	VD295 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
5	VD762 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4% 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
6	VD760 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
7	VD759 VD (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
8	VD761 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa Tritan)					
9	VDBHK VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
10	VDUVY VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
11	VDBHL VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid Acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
12	VD2K3 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)					
13	VD753 VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-2:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
14	VD752 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-2:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)					
15	VD0FB VD 2-Mercaptoimidazolin (Cao su chứa Clor)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
16	VD0FC VD (a) Formaldehyde (nước, 60°C, 30 phút)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
17	VD732 VD Phenol (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	5
18	VD765 VD Kẽm (Zn) (Aciđ acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)	15
19	VD0FD VD (a) Kim loại nặng quy Pb (A.acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
20	VD788 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
21	VD786 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
22	VD787 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PP)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1 và bảng 5.

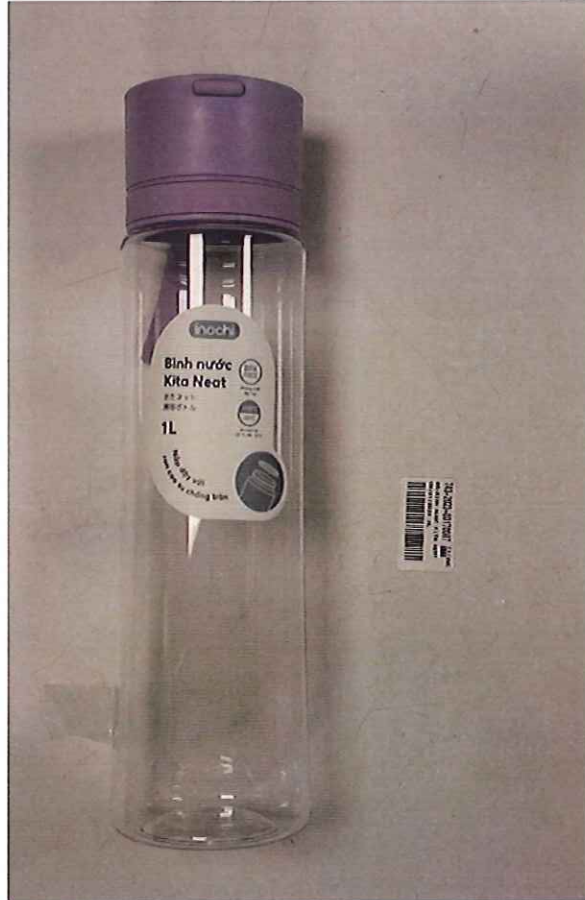
Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa Tritan)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho "Thành phần bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Silicone)" phù hợp với QCVN 12-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

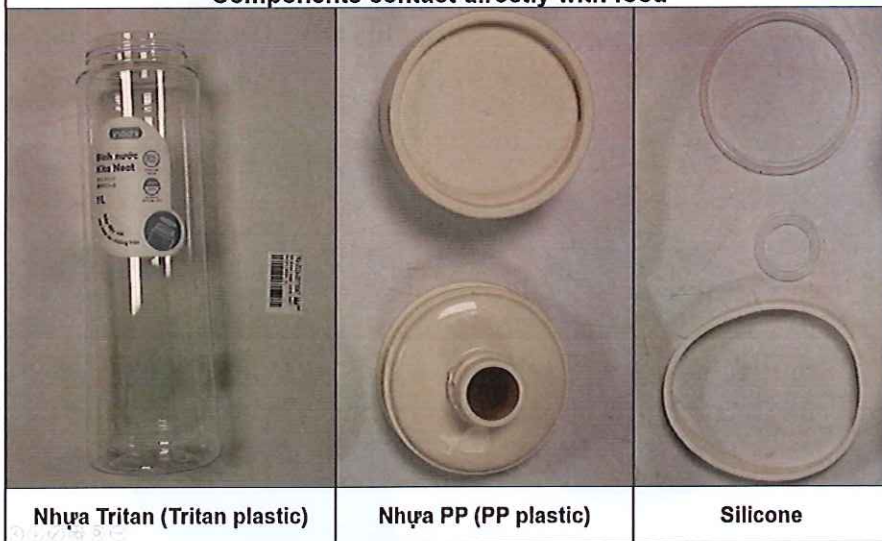
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC

Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Components contact directly with food



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực PhẩmLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 24/01/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 24/01/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu đồ hũ hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Về việc bổ sung nhãn sản phẩm thực tế trong
HSTCB

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Số: 07/TPP-QLCL/2025

Kính gửi: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP.HCM

Trước hết, Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Sở An Toàn Thực Phẩm vì sự hỗ trợ và hướng dẫn tận tình trong suốt thời gian qua

Hiện nay, Công ty chúng tôi có một số cập nhật, bổ sung liên quan đến hồ sơ tự công bố của các sản phẩm đã nộp lên Sở An Toàn Thực Phẩm TP. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

STT	TÊN HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ	NGÀY CÔNG BỐ TRÊN WEB	THÔNG TIN TRÊN WEB
1	BÌNH NƯỚC KITA SPORT (206-V01/TPP-CTY/2024)	22/02/2024	☛ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☛ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA SPORT ☛ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú ☛ Ngày nhận hồ sơ: 22/02/2024
2	BÌNH NƯỚC KITA NEAT (205-V01/TPP-CTY/2024)	22/02/2024	☛ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☛ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA NEAT ☛ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú ☛ Ngày nhận hồ sơ: 22/02/2024
3	HỘP BẢO QUẢN THỰC PHẨM HOKKAIDO	23/09/2024	☛ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☛ Tên sản phẩm: HỘP BẢO QUẢN THỰC PHẨM HOKKAIDO ☛ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú ☛ Ngày nhận hồ sơ: 23/09/2024

Nội dung bổ sung:

a. Mục “III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)”: công ty chúng tôi xin bổ sung nhãn sản phẩm thực tế đang được sản xuất. Chi tiết về mẫu nhãn sản phẩm được đính kèm trong công văn này.

Chúng tôi xin cam kết rằng việc cập nhật này chỉ liên quan đến thông tin tem nhãn, không thay đổi thành phần cấu tạo, xuất xứ hay tên sản phẩm. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của hồ sơ Tự Công Bố đã nộp.

Xin cảm ơn và Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

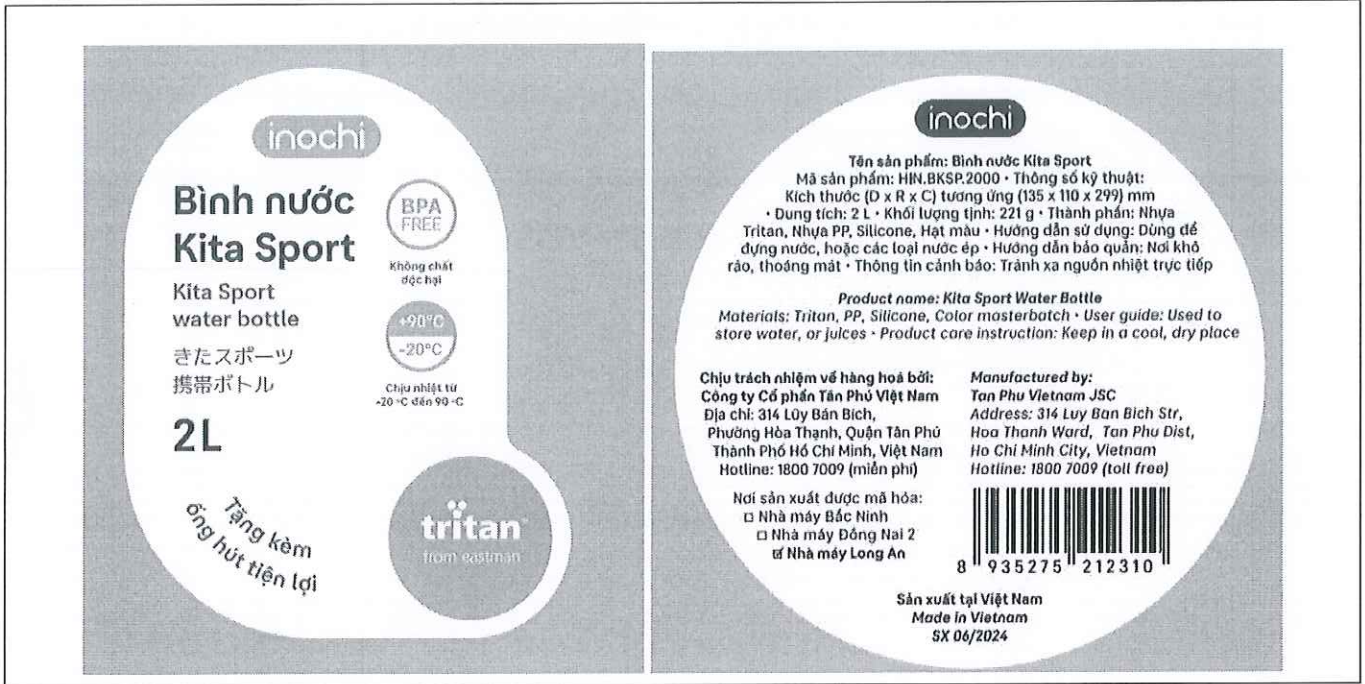
ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC, CÁ NHÂN



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

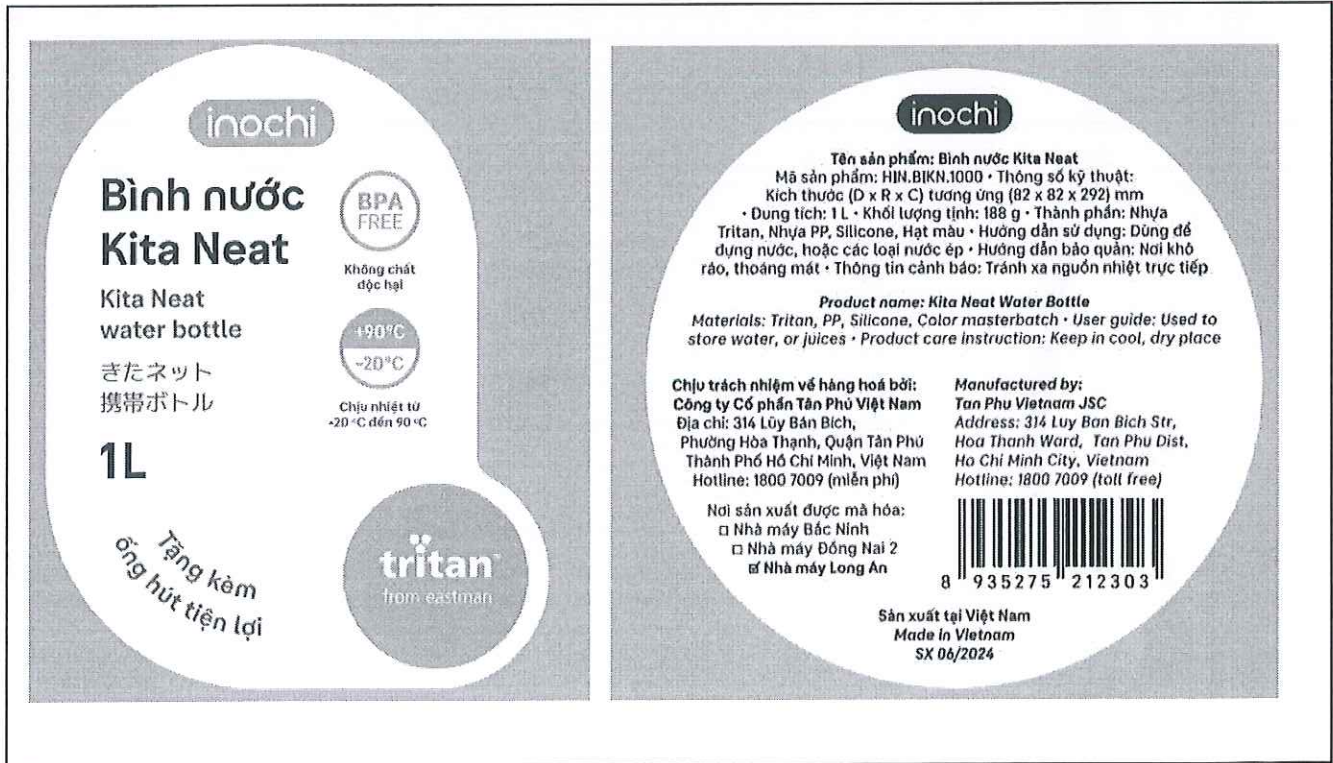
MẪU NHÃN SẢN PHẨM

BÌNH NƯỚC KITA SPORT (206-V01/TPP-CTY/2024)



MẪU NHÃN SẢN PHẨM

BÌNH NƯỚC KITA NEAT (205-V01/TPP-CTY/2024)



Handwritten signature

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

HỘP BẢO QUẢN THỰC PHẨM HOKKAIDO (205-V01/TPP-CTY/2024)

inochi

Tên sản phẩm: Hộp bảo quản thực phẩm Hokkaido
• Dung tích: 500 ml • Mã sản phẩm: HIN.HOBQ.0500
• Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (165 x 113 x 51) mm • Khối lượng tịnh: 117 g
• Thành phần: Nhựa PP, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thức ăn. Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 120°C
• Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
• Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido food storage container
• Materials: PP, Color masterbatch, Antibacterial additives (Ag+) • User guide: Used to store food. Heat resistant from -20° C to 120°C
• Product care instruction: Keep in a cool, dry place
• Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: **Manufactured by:**
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam **Tan Phu Vietnam JSC**
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, **Address: 314 Luy Ban Bich**
Phường Hòa Thạnh, **Str, Hoa Thanh Ward, Tan**
Quận Tân Phú, Thành phố **Phu Dist, Ho Chi Minh City,**
Hồ Chí Minh, Việt Nam **Vietnam**
Hotline: 1800 7009 (miễn phí) **Hotline: 1800 7009**
(toll free)
Nơi sản xuất được mã hóa:
 Nhà máy Bắc Ninh
 Nhà máy Đồng Nai 2
 Nhà máy Long An
SX 09/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam



B 935275 210774

inochi

Tên sản phẩm: Hộp bảo quản thực phẩm Hokkaido
• Dung tích: 1000 ml • Mã sản phẩm: HIN.HOBQ.1000
• Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (202 x 151 x 61) mm • Khối lượng tịnh: 184 g
• Thành phần: Nhựa PP, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thức ăn. Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 120°C
• Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
• Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido food storage container
• Materials: PP, Color masterbatch, Antibacterial additives (Ag+) • User guide: Used to store food. Heat resistant from -20° C to 120°C
• Product care instruction: Keep in a cool, dry place
• Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: **Manufactured by:**
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam **Tan Phu Vietnam JSC**
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, **Address: 314 Luy Ban Bich**
Phường Hòa Thạnh, **Str, Hoa Thanh Ward, Tan**
Quận Tân Phú, Thành phố **Phu Dist, Ho Chi Minh City,**
Hồ Chí Minh, Việt Nam **Vietnam**
Hotline: 1800 7009 (miễn phí) **Hotline: 1800 7009**
(toll free)
Nơi sản xuất được mã hóa:
 Nhà máy Bắc Ninh
 Nhà máy Đồng Nai 2
 Nhà máy Long An
SX 09/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam



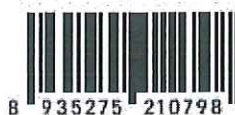
B 935275 210781

inochi

Tên sản phẩm: Hộp bảo quản thực phẩm Hokkaido
• Dung tích: 2000 ml • Mã sản phẩm: HIN.HOBQ.2000
• Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (242 x 190 x 72) mm • Khối lượng tịnh: 267 g
• Thành phần: Nhựa PP, Hạt màu, Phụ gia kháng khuẩn (Ag+) • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng thức ăn. Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến 120°C
• Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
• Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Hokkaido food storage container
• Materials: PP, Color masterbatch, Antibacterial additives (Ag+) • User guide: Used to store food. Heat resistant from -20° C to 120°C
• Product care instruction: Keep in a cool, dry place
• Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: **Manufactured by:**
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam **Tan Phu Vietnam JSC**
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, **Address: 314 Luy Ban Bich**
Phường Hòa Thạnh, **Str, Hoa Thanh Ward, Tan**
Quận Tân Phú, Thành phố **Phu Dist, Ho Chi Minh City,**
Hồ Chí Minh, Việt Nam **Vietnam**
Hotline: 1800 7009 (miễn phí) **Hotline: 1800 7009**
(toll free)
Nơi sản xuất được mã hóa:
 Nhà máy Bắc Ninh
 Nhà máy Đồng Nai 2
 Nhà máy Long An
SX 09/2024
Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam



B 935275 210798

